

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Ngày phát hành/Ngày hiệu
chính

2 Tháng Tư 2024

Phiên 3.02
bản

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm : 00333897
Tên sản phẩm : AMERCOAT 133 OXIDE RED RESIN
Số CAS : Không áp dụng.
Số đăng ký EC : Hỗn hợp.
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến
nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Phủ.
Ứng dụng công nghiệp, Dùng bằng cách phun.
Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo : Sản phẩm không có ý định, dán nhãn hoặc đóng gói để sử dụng cho người tiêu dùng.
Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : PPG Yung Chi Coatings Co. Ltd
Lô 219, đường Amata,
KCN Long Bình Hiện Đại,
TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
+84 61 3936121/22

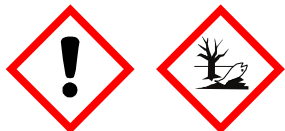
Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : CHEMTREC +(84)-444581938 (CCN 17704)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 2
KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
NHAY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định qua da: 16.5%
Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn hợp: 51.5%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ	: Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Các công bố về phòng ngừa	
Ngăn chặn	: Mang găng tay bảo hộ. Đeo đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ. Tránh thải ra môi trường. Tránh hít thở hơi. Rửa sạch sau khi sử dụng. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
Phản ứng	: Thu dọn chất thải tràn đổ. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng. NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. Rửa bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hỏi ý kiến tư vấn y tế. NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hỏi ý kiến tư vấn y tế hoặc chăm sóc y tế.
Lưu trữ	: Không áp dụng.
Xử lý	: Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	: Không có sẵn.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế

: Hỗn hợp

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

Số CAS

: Không áp dụng.

Số đăng ký EC

: Hỗn hợp.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Sulfuric acid, barium salt (1:1) 2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	7727-43-7 1675-54-3 68609-97-2	O4-S.Ba C21-H24-O4 C4-H10-O.x (C3-H6-O. C2-H4-O)x.xl2 C6-H12-O2 -	≥50 - ≤75 ≥25 - ≤50 ≤10
butylaxetat ALPHA, ALPHA"-(1,3-XYLENEDIYL)BIS (12-HYDROXY-OCTADECANAMIDE)	123-86-4 SUB101970		≤3 ≤3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.
Mã SUB đại diện cho những chất mà không có số CAS được đăng ký.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	: Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.
Hít phải	: Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện.
Tiếp xúc ngoài da	: Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng.
Nuốt phải	: Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Hít phải	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da	: Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Lầy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
Hít phải	: Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ khô da nứt da
Nuốt phải	: Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể	: Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	: Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

Mã sản phẩm	00333897	Ngày phát hành	2 Tháng Tư 2024	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	AMERCOAT 133 OXIDE RED RESIN				

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

: Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

: Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
cacbon oxit
ôxít lưu huỳnh
hợp chất halogen hóa
ôxít kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

: Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu

: Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu

: Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường

: Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

: Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị vây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Đừng lưu trữ ở nhiệt độ cao hơn nhiệt độ sau đây: 50°C (122°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
 Sulfuric acid, barium salt (1:1) butylaxetat	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2023). TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hít phải Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). STEL: 700 mg/m ³ 15 phút. TWA: 500 mg/m ³ 8 giờ.

Quy trình theo dõi đề nghị : Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Kính chống văng hóa chất.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Găng tay** : Cao su butyl
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng.
- Màu sắc** : Màu đỏ.
- Mùi** : Đặc tính.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Không áp dụng.
- Điểm nóng chảy** : Không có sẵn.
- Điểm sôi** : >37.78°C (>100°F)
- Điểm bùng cháy** : Cốc đáy kín: 93.33°C (200°F)
- Tỷ lệ hóa hơi** : 0.81 (acetat butyl = 1)
- Khả năng cháy (chất rắn, khí)** : Không có sẵn.

Mã sản phẩm00333897

Ngày phát hành2 Tháng Tư 2024

Phiên bản3.02

Tên sản phẩm

AMERCOAT 133 OXIDE RED RESIN

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên

Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 1.4% Trên: 7.6% (butylaxetat)

Áp suất hóa hơi

1.3 kPa (10 mm Hg)

Tỷ trọng hơi

Không có sẵn.

Mật độ tương đối

1.97

(Các) độ tan

Môi trường	Kết quả
Nước lạnh	Không hòa tan

Độ hòa tan trong nước

0 g/l

Hệ số phân chia nước/Octanol

Không áp dụng.

Nhiệt độ tự cháy

Không có sẵn.

Nhiệt độ phân hủy

Không có sẵn.

Tính dẻo

Động lực học (40°C): >21 mm²/s

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng

Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định

Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh

Khi bị phơi nhiễm ở các mức nhiệt độ cao có thể sản sinh ra các sản phẩm phân hủy độc hại.

Các vật liệu không tương thích

Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.

Sản phẩm phân rã có mối nguy

Tùy thuộc vào điều kiện, các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các tài liệu sau đây: cacbon oxit ôxit lưu huỳnh hợp chất halogen hóa ôxit kim loại

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Sulfuric acid, barium salt (1:1) 2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs. butylaxetat	LD50 Ngoài da	Chuột	>2000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	>5000 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	23000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	15000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	17100 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	>21.1 mg/l	4 giờ
LC50 Hít phải Hơi	Chuột	2000 ppm	4 giờ	

Việt Nam

Trang: 7/12

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

	LD50 Ngoài da	Thỏ	>17600 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	10.768 g/kg	-

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Kích ứng/Án mồn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ	-
	Mắt - Đỏ kết mạc	Thỏ	0.4	24 giờ	-
	Da - Phù	Thỏ	0.5	4 giờ	-
	Da - Ban đỏ/Mụn vảy	Thỏ	0.8	4 giờ	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	4 giờ	-

Kết luận/Tóm tắt

- Da : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Mắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Nhạy cảm

Tên sản phẩm/thành phần	Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả
2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	da	Chuột	Nhạy cảm
	da	Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm

- Da : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính gây quái thai

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
butylaxetat	Loại 3	-	Các tác dụng gây mê
ALPHA, ALPHA"-(1,3-XYLENEDIYL)BIS(12-HYDROXY-OCTADECANAMIDE)	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nồn mưa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc : Không có sẵn.
xúc có khả năng xảy ra

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|-------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Lầy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. |
| Nuốt phải | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- | | |
|-------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ |
| Hít phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
khô da
nứt da |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- | | |
|----------------------------------|---|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |

Phơi nhiễm lâu dài

- | | |
|----------------------------------|---|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

- | | |
|-------------------|---|
| Tổng quát | : Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm mất mỡ ở da và dẫn đến ngứa ngáy, nứt da và/hoặc bị viêm biểu bì. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp. |
| Tính gây ung thư | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| Tính đột biến | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| Độc tính sinh sản | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Mã sản phẩm	00333897	Ngày phát hành	2 Tháng Tư 2024	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	AMERCOAT 133 OXIDE RED RESIN				
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH					
Lộ trình			Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)		
Ngoài da			4168.88 mg/kg		

Thông tin cần thiết khác :

Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu. Chà nhám và nghiền bụi có thể có hại nếu hít phải. Tránh tiếp xúc với da và quần áo.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính			
Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs. butylaxetat	Cấp tính LC50 1.8 mg/l Nước ngọt	Daphnia - <i>daphnia magna</i>	48 giờ
	mãn tính NOEC 0.3 mg/l LC50 >100 mg/l	Daphnia Cá	21 ngày 96 giờ
	Cấp tính LC50 18 mg/l	Cá	96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
butylaxetat	TEPA and OECD 301D	83 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa	
2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane butylaxetat	-	-	Không dễ	
	-	-	Dễ dàng	

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs. butylaxetat	3.77	-	Thấp
	2.3	-	Thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Mã sản phẩm	00333897	Ngày phát hành	2 Tháng Tư 2024	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	AMERCOAT 133 OXIDE RED RESIN				

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN3082	UN3082	UN3082
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.  2,2-bis[4-(oxiran-2-ylmethoxy)phenyl]propane)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (bis-[4-(2,3-epoxipropoxi)phenyl]propane)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (bis-[4-(2,3-epoxipropoxi)phenyl]propane)
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	9	9	9
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Vâng.	Yes.	Yes.
Chất gây ô nhiễm biển	Không áp dụng.	(bis-[4-(2,3-epoxipropoxi)phenyl]propane)	Not applicable.

Thông tin bổ sung

UN : Sản phẩm này không được quy định là hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển với kích cỡ ≤5 L hoặc ≤5 kg, nếu đóng gói đạt yêu cầu của điều khoản chung 4.1.1.1, 4.1.1.2 và 4.1.1.4 đến 4.1.1.8.

IMDG : This product is not regulated as a dangerous good when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg, provided the packagings meet the general provisions of 4.1.1.1, 4.1.1.2 and 4.1.1.4 to 4.1.1.8.

IATA : Sản phẩm này không được quy định là hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển với kích cỡ ≤5 L hoặc ≤5 kg, nếu đóng gói đạt yêu cầu của điều khoản chung 5.0.2.4.1, 5.0.2.6.1.1 và 5.0.2.8.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không áp dụng.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm : Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
Epiclo hydrin	Loại 2	
Xylene	Loại 2	
benzen	Loại 1	
toluen	Loại 2	

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2 Tháng Tư 2024

Ngày phát hành lần trước : 12/29/2021

Phiên bản : 3.02

Chuẩn bị bởi : EHS

Bảng từ viết tắt : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức khoa học kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin là tạo sự chú ý về khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến sản phẩm do PPG cung cấp, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa khi lưu trữ cũng như xử lý sản phẩm. Các thuộc tính của sản phẩm không được chứng nhận hay đảm bảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được quy định trong bảng chỉ dẫn an toàn này hay sử dụng sản phẩm không đúng cách.